

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc
“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Xuân Ton

- Bà Trần Phương Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ánh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* - Chị Lô Thị L; Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn Lương Thịnh, xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* - Anh Vi Văn T; Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn Na Nghiu, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2023 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lô Thị L trình bày:

Chị L và anh Vi văn T chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/7/2019.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 1 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày, mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên ngăn nhưng tình hình mâu thuẫn vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, không còn ai quan tâm đến ai nữa, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Chị L và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến Tòa án để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh về việc nơi cư trú của bị đơn ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, UBND xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã xác nhận: Anh T có vợ là chị Lô Thị L hiện tại đang có mặt tại nơi cư trú là Thôn Na Nghiu, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần, tuy nhiên anh T từ chối không nhận, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T và giữ nguyên lời khai tại bản tự khai ngày 22/6/2023 .

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Bị đơn, anh Vi Văn T trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viên kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm tra từ thời điểm thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48; Điều 198; khoản

2,3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đều được thực hiện theo đúng quy định Điều 68, và các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về chuyên Thông báo thụ lý vụ án, các Quyết định đến Viện kiểm sát và tổng đạt các văn bản cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; các Điều 191, 195, 196, 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thực hiện nguyên tắc hòa giải, phiên họp kiểm tra và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 1, Điều 205; khoản 2 Điều 207; khoản 2 Điều 208; các Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCNVN.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuẩn bị xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần hội đồng xét xử theo quy định tại Điều 63; Điều 227, 228, 239, 247 và Chương II Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 và Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 199 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật:

Căn cứ khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28, 39; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; xử cho chị Lô Thị L được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Chị Lô Thị L và anh Vi Văn T không có con chung nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Lô Thị L khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với anh Vi Văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn anh Vi Văn T có nơi cư trú tại thôn Na Nghiu, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án Nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã thông báo thụ lý vụ án đồng thời tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh T và chị L nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được, do đó vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án có quyền Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, nhưng bị đơn anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, vì vậy Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2023 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 13 tháng 12 năm 2023 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn anh Vi Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Nguyên đơn chị Lô Thị L và bị đơn anh Vi Văn T chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2019 tại UBND xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không thông cảm cho nhau dẫn đến không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Tòa án đã nhiều lần Thông báo về phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án và điều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị Lô Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vi Văn T.

Sau khi Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ, thấy rằng tình cảm giữa anh T và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay do đó không có khả năng hàn gắn. Nên căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lô Thị L với anh Vi Văn T là phù hợp với pháp luật.

- *Về con chung*: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- *Về tài sản và công nợ*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 và 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lô Thị L. Chị Lô Thị L được ly hôn anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị Lô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lô Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002454, ngày 12/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, số tiền này được trừ vào tiền án phí phải nộp, theo đó chị Lô Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lô Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn anh Vi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Yên Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Long